

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2024/HS-ST
Ngày: 23/8/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Huỳnh Văn Hiền

+ Ông Phạm Thanh Lý

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Nguyễn Trọng Thành, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 25/2024/TLST-HS ngày 05 tháng 7 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2024/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Trung H, sinh ngày 02 tháng 5 năm 2000 tại tỉnh Quảng Ngãi;

Nơi cư trú: **Thôn K, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi**. Số căn cước công dân: 051200005903, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội- **Bộ C**, cấp ngày 15/8/2022

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: **Nguyễn Văn T** (chết) và bà **Nguyễn Thị D**, Sinh năm 1971; vợ: **Huỳnh Thị Thu T1**, Sinh năm 1999; con: có 01 con tên **Nguyễn Huỳnh Khả H1**, Sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không; về nhân thân: Chưa bị xử lý hành chính và hình sự. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày kể từ ngày 12/6/2024 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa

- Bị hại: Ông **Nguyễn Đức T2**, sinh năm 1981. Nghề nghiệp: Giáo viên. Nơi cư trú: **thôn A, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi**. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án:

+ Ông **Nguyễn Văn T3**, sinh năm 1985

Nơi cư trú: **Thôn K, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi**. Vắng mặt

+ Anh **Nguyễn N**, sinh năm 1996

Nơi cư trú: **Thôn H, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi**. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 15/12/2023, bị cáo **Nguyễn Trung H**, nhờ **Nguyễn Văn T3**, sinh năm 1985, trú tại: **thôn K, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi**, đến nhà bị hại **Nguyễn Đức T2**, sinh năm 1981, trú tại **thôn N, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi** để đào cây khế thì **T3** đồng ý; do bị cáo **H** có quan hệ họ hàng với **Nguyễn Đức T2** (**H** gọi **T2** là cậu), nên bị cáo **H** biết tại vườn nhà **T2** có trồng một cây khế đã lớn; biết **T2** nghề Giáo viên và hiện không ở tại nhà ở **Đ** mà ở nhà tại **xã Đ**, khi nào có lịch dạy thêm cho học sinh thì **T2** mới về nhà tại **Đ** để dạy, nên bị cáo **H** nảy sinh ý định đào trộm cây khế trên để đem về chăm sóc và có ai mua cây cảnh thì bán. Bị cáo **H** nói với **T3** cây khế trên **T2** đã cho **H**; sau đó, bị cáo **H** cùng với **T3** đến nhà **T2** tại **thôn N, xã Đ** để đào cây khế; sau khi đào cắt tia cành và bó bầu gốc (cây khế cao 3,5m, có chu vi thân dưới gốc là 95cm), bị cáo **H** nhờ **T3** gọi điện thoại thuê người đến chở cây khế về **huyện N**, **T3** gọi điện thoại thuê **Nguyễn N**, sinh năm 1996, trú tại: **H, H, N, Quảng Ngãi** lái xe cầu đến cầu và vận chuyển cây khế về khu vực đất trống trước nhà văn hóa **thôn K, xã H, huyện N** gần nhà của **H** để có ai mua cây cảnh thì bán và bị cáo **H** nhờ **T3** trả tiền công vận chuyển cây khế cho **N** là 1.000.000đ (một triệu đồng). Ngày 16/12/2023, bị hại **Nguyễn Đức T2** phát hiện bị mất trộm cây khế và trình báo đến **Công an xã Đ**, quá trình làm việc bị cáo **Nguyễn Trung H** đã khai nhận toàn bộ việc thực hiện hành vi trộm cây khế tại vườn nhà của ông **T2**.

Ngày 02/01/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện M** ban hành yêu cầu định giá tài sản số 02/YC-ĐTTH, yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự **huyện M**, định giá xác định giá trị của cây khế.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐGTS, ngày 25/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự **huyện M**, kết luận: 01 (một) cây khế đã được cắt tia cành, gốc rễ được bó bầu, cao 3,5m, chu vi thân dưới gốc 95cm. Tổng giá trị thiệt hại của tài sản là **11.000.000đ** (mười một triệu đồng).

Tại bản cáo trạng số 23/CT-VKS-MĐ ngày 03/7/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi truy tố bị cáo **Nguyễn Trung H** về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức vẫn giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Trung H** phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo **Nguyễn Trung H** từ 06 đến 9 tháng tù.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo

V dân sự: Bị cáo **Nguyễn Trung H** đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường thiệt hại cho bị hại **Nguyễn Đức T2**, số tiền 2.000.000đ (*hai triệu đồng*) và bị hại **T2** đã nhận lại tài sản (cây khế); đồng thời có đơn bãi nại về dân sự và xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo **H**. Nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về xử lý vật chứng:

- Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra – **Công an huyện M** đã tạm giữ: 01 (một) cây khế đã được cắt tĩa cành, gốc rễ đã được bó bầu, cao 3,5m, chu vi thân dưới gốc 95cm; 01 (một) cái cửa dài 40cm, cán bằng nhựa dài 22cm, lưỡi kim loại dài 18cm, đã qua sử dụng; 01 (một) cái cuốc dõ, cán bằng gỗ hình trụ tròn dài 86cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 23cm, rộng 07cm, đã qua sử dụng; 01 (một) cái xẻng lưỡi kim loại, dài 45cm, phần rộng nhất 17cm, phần cán bằng gỗ tre dài 70cm đã bị gãy rời khỏi phần lưỡi.

Sau khi định giá tài sản và điều tra làm rõ, Cơ quan CSĐT - **Công an huyện M** đã trả lại tài sản: 01 (một) cây khế đã được cắt tĩa cành, gốc rễ đã được bó bầu, cao 3,5m, chu vi thân dưới gốc 95cm, cho chủ sở hữu **Nguyễn Đức T2** là đúng quy định của pháp luật.

- Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 (một) cái cửa dài 40cm, cán bằng nhựa dài 22cm, lưỡi kim loại dài 18cm, đã qua sử dụng; 01 (một) cái cuốc dõ, cán bằng gỗ hình trụ tròn dài 86cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 23cm, rộng 07cm, đã qua sử dụng; 01 (một) cái xẻng lưỡi kim loại, dài 45cm, phần rộng nhất 17cm, phần cán bằng gỗ tre dài 70cm đã bị gãy rời khỏi phần lưỡi là công cụ dùng vào việc phạm tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra **Công an huyện M**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân **huyện M**, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo **Nguyễn Trung H** và những người tham gia tố tụng đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, đại diện của bị hại ông **Nguyễn Đức T2** vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **Nguyễn Văn T3**, **Nguyễn N** đều vắng mặt nhưng đã có lời khai trong quá trình điều tra nên việc vắng mặt của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Do đó, căn cứ theo quy định tại các điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo **Nguyễn Trung H** đã khai nhận toàn bộ hành vi của bị cáo như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức đã truy tố. Lời khai của bị cáo **Nguyễn Trung H** tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn

điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án nên có cơ sở xác định: Vì muốn có tiền tiêu xài, nên bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp tài sản; để thực hiện ý định trộm cắp tài sản, bị cáo **H** lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của chủ sở hữu; bị cáo lén lút chiếm đoạt tài sản (cây khế) của bị hại **Nguyễn Đức T2**. Tài sản mà bị cáo chiếm đoạt được Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự **huyện M**, kết luận là 11.000.000đ (*mười một triệu đồng*). Hành vi trên của bị cáo **Nguyễn Trung H** đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nêu trên, bị cáo **Nguyễn Trung H** có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình, bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn lén lút thực hiện. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân truy tố bị cáo **Nguyễn Trung H** về tội “Trộm cắp tài sản” đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[5] Hành vi của bị cáo **Nguyễn Trung H** là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự xã hội tại địa phương. Do đó, cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo và cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định để răn đe, giáo dục bị cáo, cũng như để phòng ngừa chung tội phạm.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo **Nguyễn Trung H** không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo **Nguyễn Trung H** đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại; đồng thời bị hại đã viết giấy bãi nại về dân sự và xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Nên khi quyết định hình phạt đối với bị cáo cần xem xét, áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[8] Về dân sự: Bị cáo **Nguyễn Trung H** đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường thiệt hại cho bị hại **Nguyễn Đức T2** số tiền 2.000.000đ (*hai triệu đồng*) và bị hại **T2** đã nhận lại tài sản (cây khế); đồng thời có đơn bãi nại về dân sự và xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo **H** nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Bị cáo **Nguyễn Trung H** không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo

[10] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 46 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[10.1] Cơ quan cảnh sát điều tra-**Công an huyện M** đã trả lại 01 (một) cây khế đã được cắt tỉa cành, gốc rễ đã được bó bầu, cao 3,5m, chu vi thân dưới gốc 95cm, cho chủ sở hữu **Nguyễn Đức T2** là đúng quy định của pháp luật.

[10.2] Tịch thu tiêu hủy 01 (một) cái cưa dài 40cm, cán bằng nhựa dài 22cm, lưỡi kim loại dài 18cm, đã qua sử dụng; 01 (một) cái cuốc dốt, cán bằng gỗ hình trụ tròn dài 86cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 23cm, rộng 07cm, đã qua sử dụng; 01 (một) cái xẻng lưỡi kim loại, dài 45cm, phần rộng nhất 17cm, phần cán bằng gỗ tre dài 70cm đã bị gãy rời khỏi phần lưỡi là công cụ dùng vào việc phạm tội.

[11] Đối với Nguyễn Văn T3, khi bị cáo H nhờ T3 cùng đi đào cây khế tại vườn nhà của Nguyễn Đức T2 thì bị cáo H nói với T3 cây khế trên ông T2 đã cho bị cáo H nên T3 hoàn toàn không biết cây khế trên là H đào trộm. Do đó, hành vi của Nguyễn Văn T3 không đồng phạm với Nguyễn Trung H về tội trộm cắp tài sản trong vụ án.

[12] Đối với Nguyễn N là người được thuê để lái xe cẩu đến để cẩu và chở cây khế trên về xã H, huyện N cho bị cáo H sau khi H đào cây khế tại vườn nhà ông T2; ông N hoàn toàn không biết cây khế trên là H đào trộm. Sau khi vận chuyển xong thì N lấy tiền công vận chuyển là 1.000.000đ (một triệu đồng) đây chỉ là giao dịch dân sự. Do đó, Nguyễn N không đồng phạm với Nguyễn Trung H về tội trộm cắp tài sản trong vụ án.

[13] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Trung H phải chịu 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[14] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[15] Về căn cứ truy tố và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trung H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung H 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam (ngày 12/6/2024).

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 46 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) cái cưa dài 40cm, cán bằng nhựa dài 22cm, lưỡi kim loại dài 18cm, đã qua sử dụng;

- 01 (một) cái cuốc dốt, cán bằng gỗ hình trụ tròn dài 86cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 23cm, rộng 07cm, đã qua sử dụng;

- 01 (một) cái xẻng lưỡi kim loại, dài 45cm, phần rộng nhất 17cm, phần cán bằng gỗ tre dài 70cm đã bị gãy rời khỏi phần lưỡi.

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/8/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra **công an huyện M** và Chi cục thi hành án dân sự huyện Mộ Đức.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo **Nguyễn Trung H** phải chịu 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo **Nguyễn Trung H** có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Mộ Đức;
- CQCSĐT Công an huyện Mộ Đức;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Mộ Đức;
- Chi Cục THADS huyện Mộ Đức;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thanh Sang

